

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lang Thị Nương.

2. Bà Hạng Thị Sùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Tố Uyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 86/2026/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 8 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chảo Tả M, sinh ngày 01/01/1990, số căn cước công dân: 01119005xxx; cấp ngày: 12/12/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; Địa chỉ: Bản H (nay là bản H), xã K, tỉnh Điện Biên, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Tồn P, sinh ngày 02/10/1989, số định danh cá nhân: 011089004896; Địa chỉ: Bản H (nay là bản H), xã K, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2026 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chảo Tả M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chảo Tả M và anh Đặng Tồn P tự nguyện kết hôn ngày 17/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Nh, tỉnh Điện Biên (nay là Ủy ban

nhân dân xã K, tỉnh Điện Biên). Trong vài năm đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái, chăm lo cho gia đình. Tuy nhiên, đến năm 2016 anh P bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù, đến năm 2022 anh P chấp hành xong hình phạt tù. Sau khi anh P chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương sinh sống, anh P không quan tâm đến gia đình, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt được kết quả. Chị M và anh P đã không chung sống cùng nhau từ năm 2016 đến nay, do tình cảm hai bên không còn nên chị M nhiều lần liên lạc với anh P để giải quyết ly hôn nhưng anh P yêu cầu chị M phải đưa cho anh một khoản tiền thì mới thuận tình ly hôn. Đến nay mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho cho chị được ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: Chị M và anh P có 03 con chung chưa thành niên Đặng Thị Ph, sinh ngày 09/01/2010, Đặng Thị T, sinh ngày 12/11/2012 và Đặng Thị Th, sinh ngày 01/09/2014. Hiện cháu Đặng Thị Ph đang sống cùng chị M, cháu Đặng Thị T, Đặng Thị Th đang sống cùng ông bà nội và anh P. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Đặng Thị Th cho đến khi thành niên và có khả năng lao động, đề nghị Tòa án giao 02 con chung là Đặng Thị T và Đặng Thị Th cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Cháu Ph cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, cháu T và cháu Th có nguyện vọng được sống cùng với bố và ông bà nội.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 16/6/2026, anh Đặng Tồn P có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Tồn P và chị Chảo Tả M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Từ khi kết hôn cho đến năm 2018 chị M và anh P không xảy ra mâu thuẫn, sau đó từ năm 2018 chị Chảo Tả M có phát sinh tình cảm với 01 người đàn ông khác, để lại 03 con gái cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại anh P và chị M không chung sống với nhau. Anh P không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị M vì cho rằng chị M đi cặp bồ với người khác khi chưa ly hôn với anh P.

Về nuôi con chung: Anh P xác nhận vợ chồng anh, chị có 03 con chung chưa thành niên là Đặng Thị Ph, sinh ngày 09/01/2010, Đặng Thị T, sinh ngày 12/11/2012 và Đặng Thị Th, sinh ngày 01/09/2014. Anh P nhất trí với ý kiến của chị M về việc giao 02 con chung là Đặng Thị T và Đặng Thị Th cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động; giao 01 con chung là Đặng Thị Ph cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Điện Biên vào ngày 14/7/2026, kết quả xác minh như sau: Anh P và chị M đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân K, huyện Nh, tỉnh Điện Biên (nay là xã K, tỉnh Điện Biên), Sau khi kết hôn, chị M và anh P chung sống hòa thuận được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh P vi phạm pháp luật vào năm 2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt tù. Sau khi anh P chấp hành hình phạt tù trở về thì tình cảm vợ chồng phai nhạt, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nên cả hai đã sống ly thân 10 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên tiến hành xác minh tại Công an xã K vào ngày 14/7/2026, kết quả xác minh như sau: Ngày 28/9/2016 anh Đặng Tồn P bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, đến ngày 11/10/2017 anh P bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 51/2017/HSST. Anh P chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến, đến ngày 25/01/2022 thì chấp hành xong. Sau khi trở về địa phương và gia đình sinh sống, anh P không tu trí làm ăn, không chăm lo gia đình, vợ chồng không ai quan tâm đến ai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị Chảo Tả M được ly hôn với anh Đặng Tồn P. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là Đặng Thị Ph, sinh ngày 09/01/2010 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động; Giao 02 con chung là Đặng Thị T, sinh ngày 12/11/2012 và Đặng Thị Th, sinh ngày 01/09/2014 cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Chảo Tả M, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly do nguyên đơn là chị M khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, do bị đơn anh Đặng Tồn P đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản H (nay là bản Huổi Lích), xã K, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

[3] *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và gửi bản tự khai đến Tòa án. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn không đến Tòa án làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa mở ngày 17/8/2026, Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập qua đường bưu chính, bị đơn là anh Đặng Tồn P đã nhận được nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 17/8/2026 và Giấy triệu tập đã được Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên gửi cho anh P theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa mở ngày 03/9/2026 bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Chảo Tả M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị M và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Nh, tỉnh Điện Biên (nay là xã K, tỉnh Điện Biên), quá trình kết hôn không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị M và anh P là hợp pháp. Trong vài năm đầu sau khi kết hôn, chị M và anh P chung sống hòa thuận, vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái, chăm lo gia đình. Tuy nhiên, đến năm 2016 anh P vi phạm pháp luật hình sự, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 51/2017/HSST, đến ngày 25/01/2022 anh P chấp hành xong hình phạt tù. Do đó, anh P khai nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn giữa anh P và chị M là vào năm 2018, chị M có phát sinh tình cảm với 01 người đàn ông khác và bỏ đi để lại 03 con gái cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng là không có cơ sở. Bởi vì qua xác minh tại Công an xã K, trong thời gian từ ngày 28/9/2016 đến ngày 25/01/2022 anh P đang phải chấp hành hình phạt 07 năm tù nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng 03 con gái. Mặt khác, Công an xã K xác nhận đến thời điểm Tòa án xác minh, không tiếp nhận vụ việc vi phạm nào liên quan đến gia đình anh P và chị M.

Anh P thừa nhận hiện tại anh và chị M không còn tình cảm và không sống cùng nhau nhưng không đồng ý ly hôn vì cho rằng chị M ngoại tình, tuy nhiên anh P không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Xét thấy, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình là do anh P vi phạm pháp luật hình sự, phải đi chấp hành hình phạt 07 năm tù (từ năm 2016 đến năm 2022). Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về với gia đình, anh P không có biện pháp để bù đắp tình cảm vợ chồng, không chăm lo gia đình. Bản thân anh P không đồng ý ly hôn, nhưng cũng không có nguyện vọng đoàn tụ với chị M, nhằm yêu sách của cải. Giữa chị M và anh P không có tình nghĩa vợ chồng, không yêu thương quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống ly thân đã 10 năm (từ năm 2016 đến năm 2026), dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị M là có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi cho chị M, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh P.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị M và anh P có 03 con chung chưa thành niên là cháu Đặng Thị Ph, sinh ngày 09/01/2010, Đặng Thị T, sinh ngày 12/11/2012 và Đặng Thị Th, sinh ngày 01/9/2014, hiện cháu Ph đang sống cùng chị M, còn cháu T và cháu Th đang sống cùng với ông bà nội và anh P. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Đặng Thị Ph cho đến khi thành niên và có khả năng lao động và giao 02 con chung là cháu Đặng Thị T và Đặng Thị Th cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Cháu Ph cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ, cháu T và cháu Th có nguyện vọng được sống cùng bố. Anh P cũng có ý kiến nhất trí với yêu cầu của chị M về việc nuôi con chung. Chị M và anh P đều có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao 01 con chung là Đặng Thị Ph cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con 02 chung là Đặng Thị T và Đặng Thị Th cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của các con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị M, anh P đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Chảo Tả M có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm do chị M là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Dao) sống tại xã K, tỉnh Điện Biên là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[8] Về quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Điện Biên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Chảo Tả M được ly hôn với bị đơn anh Đặng Tồn P.

2. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là Đặng Thị Ph, sinh ngày 09/01/2010 cho chị Chảo Tả M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao 02 con chung là Đặng Thị T, sinh ngày 12/11/2012 và Đặng Thị Th, sinh ngày 01/09/2014 cho anh Đặng Tồn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị M và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Chảo Tả M được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Dao) sống tại xã K, tỉnh Điện Biên là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Điện Biên;
- Phòng GD, KT, TT&THA;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã K
(nơi ĐKKH);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sao